

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 121/2019/HS-ST

Ngày: 26.7.2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Ngọc H, sinh năm 1972; Quê quán: M T – Tiền Giang; Nơi ĐKTT: Số 615, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Số 597/29, đường M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Ng (đã chết) và bà Huỳnh Thị T (đã chết); Chồng: Huỳnh Ch; Con ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

* *Người bị hại:* Chị Phạm Thị Thùy T1, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Số 15, đường T P, phường V T, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

* *Người làm chứng:* Bà Võ Thị Kim H1, sinh năm 1956. Địa chỉ cư trú: Số 15, đường T P, phường V T, TP. R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Ngọc H là người giúp việc nhà cho chị Phạm Thị Thùy T1, tại số 15, đường T P, phường V T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang, do muốn có nhiều tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chủ nhà. Vào khoảng 15 giờ ngày 06/3/2019, Lưu Ngọc H đang ru con của chị T1 ngủ tại phòng ngủ ở tầng 1, H quan sát thấy không có ai trong phòng nên lén lút lấy chùm chìa khóa để trên đầu tủ quần áo rồi mở tủ lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng loại 24K, trọng lượng 5 chỉ. Sau khi lấy trộm tài sản xong, H định đi ra ngoài thì bị chị Phạm Thị Thùy T1 phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng và nhờ mẹ chồng là bà Võ Thị Kim H1 điện thoại trình báo cơ quan công an phường V T tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và mời những người có liên quan lên làm việc. Tại cơ quan công an Lưu Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra Lưu Ngọc H còn khai nhận trước đó đã thực hiện 02 lần lấy trộm tài sản của chị Phạm Thị Thùy T1 cụ thể như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 28/02/2019 Lưu Ngọc H đã lén lút vào phòng ngủ của chị T1 trên tầng 1 lấy chùm chìa khóa để trên đầu tủ quần áo rồi lén lút mở tủ lấy trộm 01 chiếc nhẫn loại 24K, trọng lượng 01 chỉ, cất giấu trong người. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày H đem chiếc nhẫn trên đến tiệm vàng Thanh Trung ở số 28 P C T, phường V T Vân, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang bán được số tiền 3.600.000 đồng (không thu hồi được) tiêu xài cá nhân và trả nợ tiền góp cho 03 người đàn ông dân Hải phòng (chưa xác định được tên và địa chỉ).

Vào khoảng 15 giờ, ngày 04/3/2019 cũng với thủ đoạn như trên, Lưu Ngọc H mở tủ quần áo trong phòng ngủ của chị T1 lấy trộm 01 chiếc nhẫn loại 24K, trọng lượng 05 chỉ, cất giấu trong người. Sau đó H đem chiếc nhẫn trên đến tiệm vàng Bông Hồng ở số 07 P C T, phường V T Vân, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang bán được số tiền 17.750.000 đồng (không thu hồi được) tiêu xài cá nhân và trả nợ tiền góp cho người đàn ông dân Hải phòng (chưa xác định được tên và địa chỉ) hết 6.250.000 đồng còn lại 11.500.000 đồng cất giữ trong người.

Tổng giá trị tài sản H trộm cắp của chị T1 là 39.325.000 đồng. Trong quá trình làm việc H đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 11.500.000 đồng còn lại để khắc phục hậu quả cho người bị hại.

** Việc thu giữ tài liệu, đồ vật:*

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trọng lượng khoảng 05 chỉ (loại nhẫn tròn, trơn) đã được niêm phong có chữ ký xác nhận của Phạm Thị Thùy T1 và Lưu Ngọc H;

- Tiền Việt Nam 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

** Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 54/KL-TCKH, ngày 26/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R G, kết luận:*

- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, trọng lượng khoảng 05 chỉ đã qua sử dụng, có giá trị là : 17.975.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 115/CT-VKS ngày 01/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lưu Ngọc H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc H từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố R G đã trao trả cho người bị hại Phạm Thị Thùy T1 tài sản gồm: 01 (một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ và 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về phần dân sự: Người bị hại Phạm Thị Thùy T1 đã nhận lại tài sản bị mất là 01 (một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ và 11.500.000đ. Và bị cáo Lưu Ngọc H đã bồi thường cho chị T1 số tiền là 10.000.000 đồng. Người bị hại Phạm Thị Thùy T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lưu Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại chị T1 số tiền 10.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến gì khác.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn hối hận, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để lao động, nuôi con và có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt:* Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Lưu Ngọc H là người giúp việc nhà cho chị Phạm Thị Thùy T1. Vào khoảng 15 giờ ngày 06/3/2019, lợi dụng việc đang ru con của chị T1 ngủ tại phòng ngủ tầng 01, không có ai trong phòng, Lưu Ngọc H đã lấy chìa khóa rồi lén lút

mở tủ lấy trộm của chị T1 01 chiếc nhẫn vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ, thì bị chị T1 phát hiện, bắt giữ cùng vật chứng. Qua kết luận định giá tài sản thì 01 chiếc nhẫn vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ, có giá trị là 17.975.000 đồng.

Ngoài ra, ngoài lần bị bắt quả tang, cũng bằng thủ đoạn như trên Lưu Ngọc H khai nhận, đã 02 lần trộm cắp tài sản của chị T1, cụ thể: ngày 28/02/2019 đã lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng loại 24k, trọng lượng 01 chỉ, trị giá là 3.600.000 đồng và ngày 04/3/2019 đã lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng loại 24k, trọng lượng 05 chỉ, trị giá là 17.750.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà Lưu Ngọc H lấy trộm của Phạm Thị Thùy T1 là 39.325.000đ (Ba mươi chín triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo Lưu Ngọc H đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại Phạm Thị Thùy T1 như đã nêu trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản Cáo trạng, lời khai của người bị hại và phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ đã được làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã thực hiện hoàn thành hành vi trộm cắp tài sản, tài sản mà bị cáo trộm cắp được có tổng trị giá là 39.325.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Lưu Ngọc H đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động, bị cáo đã bất chấp những quy định của pháp luật và hậu quả xảy ra, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; hành vi của bị cáo đã xâm phạm trái phép đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây ra sự hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý và bảo vệ tài sản, làm tăng thêm sự phức tạp về tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình tù phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người bị hại, để khắc phục hậu quả do bị cáo gây ra; bị cáo đã tự mình nhận tội và khai báo hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện là các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s, b, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các tài sản bị mất trộm đã được trao trả lại đầy đủ cho người bị hại nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

Xét yêu cầu của bị cáo Lưu Ngọc H xin được hưởng án treo là không có cơ sở xem xét. Bởi lẽ, bị cáo phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R G về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

- Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho người bị hại Phạm Thị Thùy T1 tài sản gồm: 01 (một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ và 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng). Ngày 28/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố đã trao trả xong.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phạm Thị Thùy T1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và bị cáo Lưu Ngọc H đã bồi thường cho chị T1 số tiền 10.000.000 đồng. Người bị hại Phạm Thị Thùy T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b, r khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Ngọc H 06 tháng tù (Sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho người bị hại Phạm Thị Thùy T1 tài sản gồm: 01 (một) nhẫn vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ và 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng). Ngày 28/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố đã trao trả xong.

4. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phạm Thị Thùy T1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm và bị cáo Lưu Ngọc H đã bồi thường cho chị T1 số tiền 10.000.000 đồng. Người bị hại Phạm Thị Thùy T1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lưu Ngọc H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa